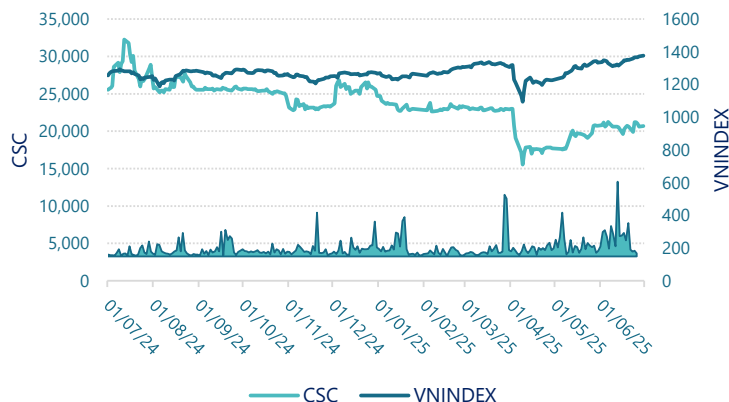




CTCP Tập đoàn Cotana (HNX: CSC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,258
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,538
SL cổ phiếu LH	41,149,264
KLGD BQ 20 phiên (CP)	33,665
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	852
P/E	35.8
EPS	578

DT thuần

Q2/25

250

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 150 | 150%

YoY: ▲ 141 | 129%

LN sau thuế

Q2/25

9.43

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 5.87 | -38.4%

YoY: ▲ 3.22 | 51.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

7.5%

+/- YoY: ▼ 2.7%

DT thuần

6T 2025

350

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 170 | 95.0%

LN sau thuế

6T 2025

24.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.6 | 146%

ROE

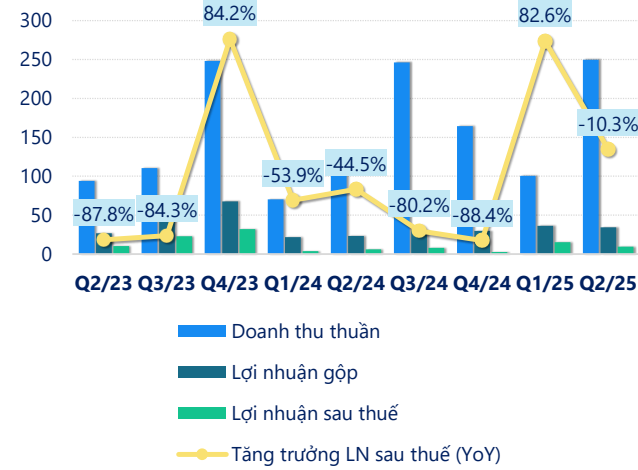
Q2/25

2.8%

+/- YoY: ▼ 2.6%

tỷ VNĐ

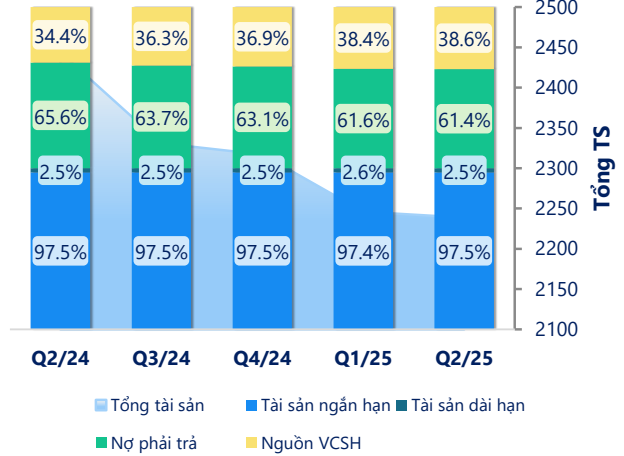
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

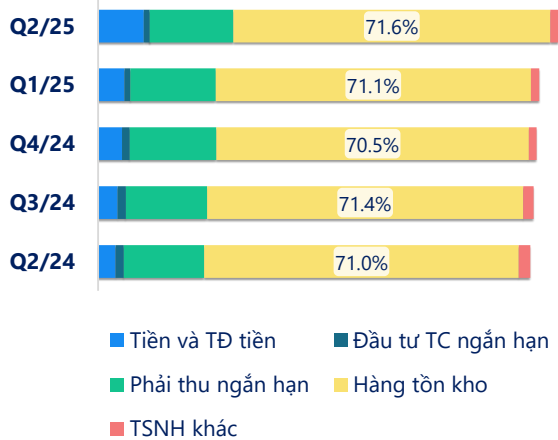
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



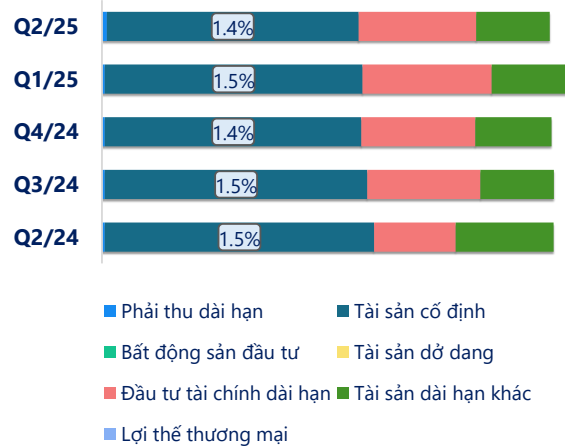
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

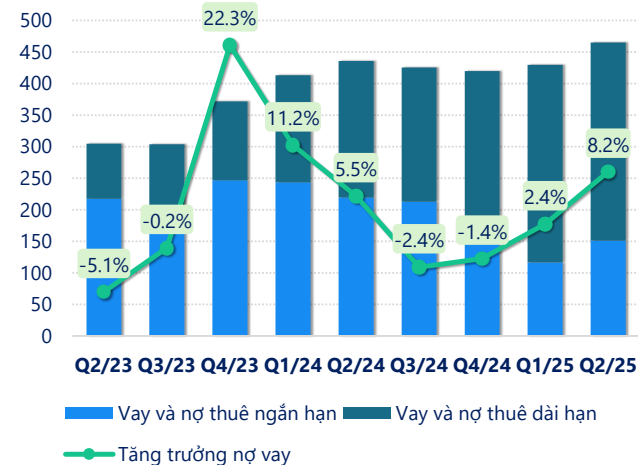
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

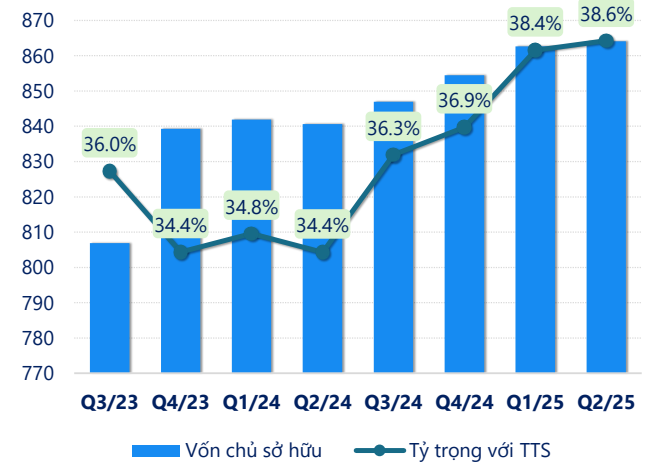
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

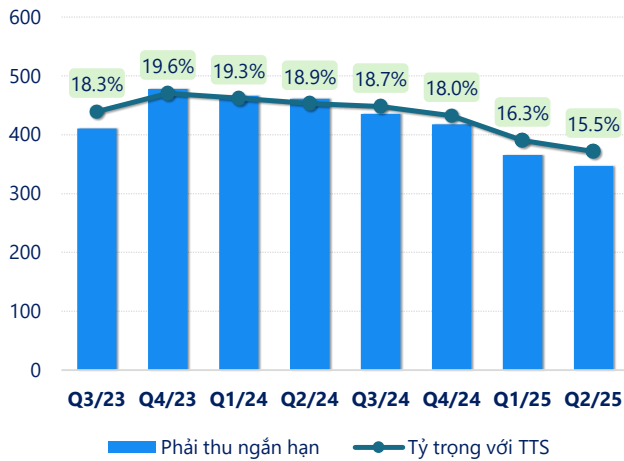
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



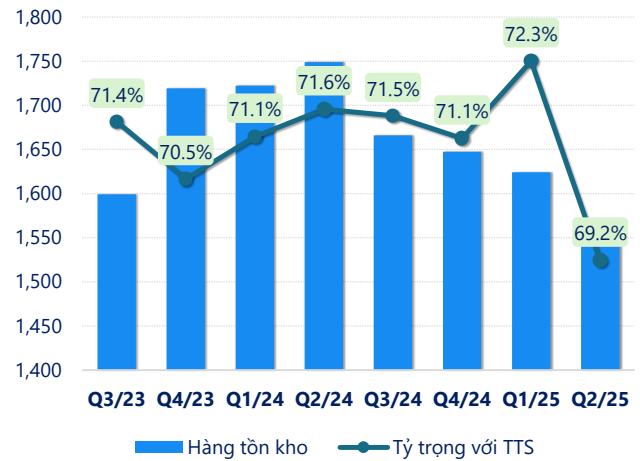
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


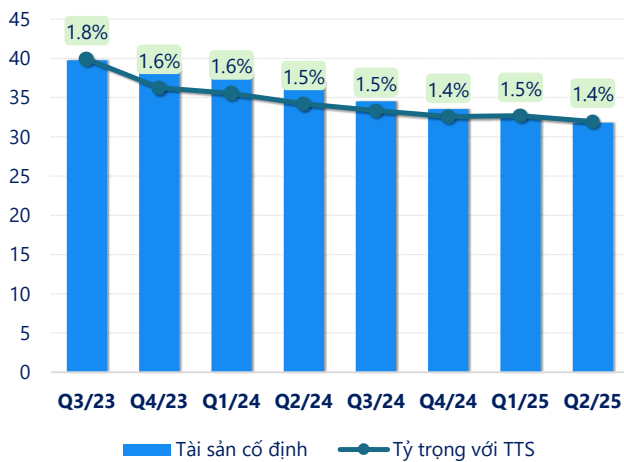
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


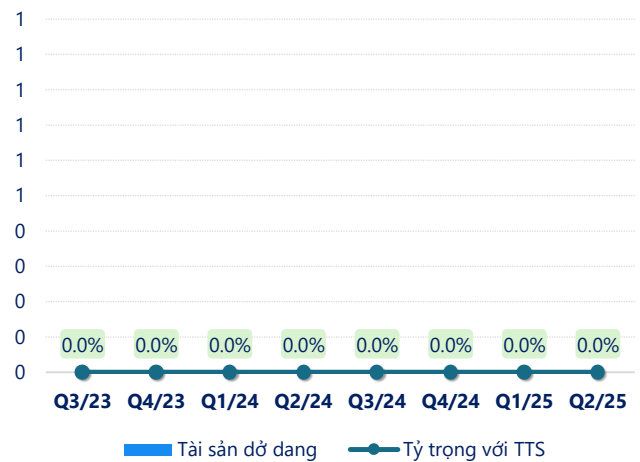
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

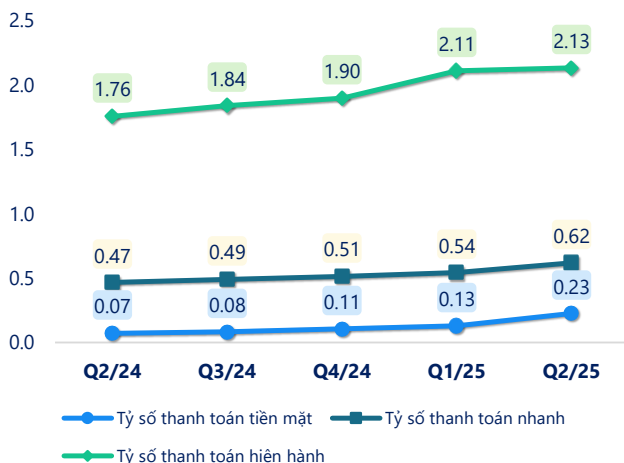
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,444	2,331	2,317	2,246	2,239
Tài sản ngắn hạn	2,382	2,272	2,258	2,187	2,182
Tiền và tương đương tiền	96.3	103	126	133	231
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.6	21.6	22.7	23.7	23.7
Phải thu ngắn hạn	461	435	418	365	347
Hàng tồn kho	1,749	1,666	1,648	1,624	1,549
Tài sản ngắn hạn khác	42.5	46.0	44.7	40.4	31.7
Tài sản dài hạn	62.3	59.4	58.8	59.2	56.5
Phải thu dài hạn	0.38	0.37	0.37	0.37	0.62
Tài sản cố định	37.2	34.5	33.5	32.6	31.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	11.2	14.9	14.9	16.4	14.9
Tài sản dài hạn khác	13.5	9.64	9.96	9.77	9.27
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,603	1,484	1,462	1,383	1,375
Nợ ngắn hạn	1,357	1,235	1,190	1,037	1,023
Vay và nợ thuê ngắn hạn	219	213	181	117	151
Phải trả người bán ngắn hạn	370	352	410	366	345
Nợ dài hạn	246	249	272	347	351
Vay và nợ thuê dài hạn	216	213	238	313	314
Nguồn vốn chủ sở hữu	841	847	854	863	864
Vốn chủ sở hữu	841	847	854	863	864
Vốn điều lệ	374	374	374	374	374
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)